

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2024

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuyên;

Bà Lê Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 – số 139 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1962

Địa chỉ: 436/59/37 CMT, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: 436/59/37 CMT, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông M và bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 20, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/1986. Sau khi kết hôn, ông bà chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Nay thời gian sống ly thân đã lâu và tình cảm vợ chồng không còn nên ông M xin ly hôn với bà H.

Phía bà H thống nhất lời trình bày của ông M về thời gian ông bà chung sống và đăng ký kết hôn. Nay trước yêu cầu ly hôn của ông M, bà H đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc D, sinh năm 1986 và Nguyễn Hoàng Ngọc M, sinh năm 1989, các con chung đã thành niên.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do trong quá trình tiến hành tố tụng, ông M và bà H có đơn đề nghị vắng mặt trong các buổi Tòa án hòa giải và xét xử vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định, tuân theo pháp luật tố tụng. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ông Nguyễn Ngọc M được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Về con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Việc ông Nguyễn Ngọc M xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện nay bà H đang cư trú tại số 436/59/37 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3 nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí M.

1.2. Xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Ngày 19/6/2024 và ngày 28/6/2024, Tòa án nhân dân Quận 3 nhận được đơn đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án của ông M và bà H. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H nhận thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 20, Quận 3, Thành phố Hồ Chí M cấp ngày 01/8/1986 có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M và bà H xác định hôn nhân giữa ông bà không có hạnh phúc, khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn và đề nghị vắng mặt khi Tòa án hòa giải đoàn tụ và xét xử vụ án. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của ông bà là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự, giải quyết cho ông M và bà H được ly hôn.

2.2. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của ông M, bà H và các Giấy khai sinh số 514, quyền số 4 và 515, quyền số 4 do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp có cơ sở xác định trong thời gian chung sống ông M và bà H có 02 con chung tên Nguyễn

Hoàng Ngọc D, sinh năm 1986 và Nguyễn Hoàng Ngọc M, sinh năm 1989. Do các con chung đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Do ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1962 là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông M được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc M được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, khi đó Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 20, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/1986 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc D, sinh năm 1986 và Nguyễn Hoàng Ngọc M, sinh năm 1989, đã thành niên.

1.3. Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Ông M và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc M số tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0002116 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ông M, bà H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nhật Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

